

## S NG CHUNG V I N C L Á N G G I N G L N H N: TH C T I N VÀ CH Í N H S Á C H

Nguy n V T ù n g\*

ì v i n c n h , quan h v i n c l n chung biên gi i luôn là m t m i quan h khó kh n.<sup>83</sup> Các khó kh n này có nh ng ngu ng c t (i) s ch ê n h l ch r ò r t v t m v ó c - v n là k t qu c a c m t quá trình l ch s phát tri n lâu dài liên quan t i các m t kinh t , v n hoá, xã h i, quân s , chính tr , ngo i giao... d n n (ii) quan ni m v b n s c n c l n - n c n h và t ó a ra nh ng c thù v hành vi n c l n - n c n h , theo ó n c l n th ng có tâm lý “ ì qu c” và do v y có hành vi coi th ng, ch ê n ép “tì u qu c”. Trong t t c các c p quan h n c l n - n c n h , có hai y u t song hành t o nên s khó kh n trong quan h n c l n - n c n h : S v t tr i v t m v ó c c a m t n c th ng i cùng v i tâm lý và hành vi n c l n c a n c ó so v i các n c khác. Nga (c ng nh Li ê n Xô tr c kia), M , Nh t, Trung Qu c luôn th ng tr c tâm lý mình là n c l n và t ó có hành vi n c l n th hi n qua cách xác nh l i ích và cách th c t t i l i ích c a mình trong m i giao ti p v i các n c khác. Bài vi t này t p trung phân tích (i) vai trò c a y u t a lý trong m i quan h ph c t p này, và (ii) tìm hi u và ánh giá m t s chi n l c ng phó c a n c n h ì v i n c l n láng gi ng.

### Tác ng c a y u t a lý

Y u t a lý làm t ng thêm d ng tâm lý và hành vi ì qu c - tì u qu c. Tâm lý và hành vi n c l n th hi n chung trong chính sách c a n c l n và th hi n c th nh t qua chính sách và quan h v i n c n h láng gi ng. Trong các tr ng h p c thù nh t (m t n c c th a nh n là n c l n so v i m t n c láng gi ng có s c m nh v t ch t và tì m l c nh h n nhi u l n), có th th y r ng tính ch t b t cân x ng ó ng vai trò quy nh b n ch t m i quan h này. Nói cách khác, s b t cân x ng càng l n thì tâm lý và hành vi n c l n - n c n h càng rõ r t.

S c n k a lý làm s so sánh có “ a ch” h n, th m chí nó còn m r ng ra cho s ch ê n h l ch tuy ch a t i m c v t tr i c ng ã làm cho tâm lý và hành vi n c l n hình thành. Tr ng h p quan h Thái Lan - Cam-pu-chia và ph n nào là Nh t B n - Hàn Qu c cho th y xu h ng ó. Thái Lan và Nh t B n tuy không ph i là n c l n nh ng k c n nhau v a lý và c bi t nh y c m v i s ch ê n h l ch dù là nh nh t so v i n c kia. S so sánh h n - kém và cùng v i nó là tâm lý n c l n h n - n c n h h n c ng theo ó hình thành.<sup>84</sup> Chính vì th , khung quan h n c l n - n c n h tho t u c cho là ch n y sinh gi a các n c r t l n và r t nh , nay c n c b sung b ng th c t c a quan h gi a các n c có s ch ê n h l ch v tì m l c. Nói cách khác, khung phân tích r ng và thích h p h n s là quan h láng gi ng gi a các n c l n h n và nh h n.

\* TS., Vi n Nghiên c u Chi n l c Ngo i giao, H c vi n Ngo i giao.

<sup>83</sup> Khái ni m “chung biên gi i” c áp d ng cho c biên gi i b ho c/và bi n. Gi a hai n c chung biên gi i bi n, nh n th c v m i e d a an ninh có th gi m b t do kho ng cách a lý r ng h n. Tuy nhiên, y u t tranh ch p lãnh th v n có, và kh n ng rút ng n kho ng cách b i k thu t v n t i và v kh i ngày càng cao. Do ó, khái ni m láng gi ng chung biên gi i v n có th s d ng chung và m c ph c t p v n nguyên v n.

<sup>84</sup> M t i u lý thú là h u h t các n c trong m t giai o n c th u coi mình là n c l n. ông Nam Á có i Xiêm, i Vi t, th m chí c i Lào. Xem D. E. Hall, *L ch s ông Nam Á* (Hà n i: Nhà xu t b n Chính tr qu c gia, 1995).

điều này trùng hợp với nghiên cứu thực tiễn do Barry Buzan khởi xướng. Theo Buzan, thực tiễn chính là những mối quan hệ láng giềng chặt chẽ và có thể can thiệp, tác động lẫn nhau của những bên ngoài do sự bất cân xứng về sức mạnh. Đáng chú ý, Buzan còn cho rằng một nền văn hóa có thể là một nền văn minh trong một thực tiễn an ninh này nhưng lại là một nền văn minh khác.<sup>85</sup> Nói cách khác, so sánh nền văn minh - nền văn hóa có tính chất tổng thể và tâm lý/hành vi nền văn minh - nền văn hóa không nhất thiết có trong các quan hệ giữa hai nền văn minh láng giềng.

Sự kiện này, qua nghiên cứu cho thấy, là điều kiện thuận lợi làm tăng mức độ phức tạp của mối quan hệ bất cân xứng này. Đó là vì yếu tố địa lý tạo điều kiện cho hai bên giao lưu với nhau, và càng dễ giao lưu, càng phát sinh nhiều vấn đề. Các vấn đề có thể có nguồn gốc lịch sử. Trong tất cả các tình huống nghiên cứu, các vấn đề lịch sử thường thấy (xếp theo thứ tự quan trọng) là: (1) tranh chấp lãnh thổ; (2) khác biệt liên quan tới quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa, giao lưu văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ giữa các nhóm dân cư; (3) lịch sử quan hệ nói chung theo đó các vấn đề lịch sử có liên quan và các tranh chấp/khác biệt cụ thể về chính trị và xã hội. Ngược lại, các vấn đề liên quan tới nhân tố địa lý và xã hội các vấn đề lịch sử có tác động lớn đến quan hệ trong hiện tại.

Các vấn đề phát sinh cũng có thể có nguồn gốc từ mối quan hệ đang phát triển. Những tình huống nghiên cứu cho thấy giữa các nền văn minh láng giềng chung biên giới nên liên quan tới các vấn đề chính sau: (1) tranh chấp lãnh thổ chưa giải quyết, (2) tranh chấp kinh tế, thương mại và các quy định kinh tế khác, (3) các lợi ích chính trị trong nền văn minh láng giềng và lợi ích địa chính trị trong cuộc tranh giành quyền lực, (4) bên thứ ba khai thác mâu thuẫn trong quan hệ song phương nền văn minh - nền văn hóa tranh giành ảnh hưởng thông qua các chính sách chia rẽ, lôi kéo, bao vây...

Như vậy, sự kiện này có thể có nguồn gốc từ điều kiện thuận lợi làm quan hệ giữa hai nền văn minh láng giềng về mặt địa lý có xu hướng phức tạp hơn.

Tuy nhiên, bản thân yếu tố địa lý và điều kiện thuận lợi không quyết định sự tồn tại của các phức tạp và mức độ phức tạp trong quan hệ. Chúng là các yếu tố khách quan tồn tại: địa lý là yếu tố bất biến và sự thuận lợi về địa lý thuận lợi cho nền văn minh là do yếu tố địa lý mang lại khi sức mạnh của nền văn minh vượt các tiêu chí kinh tế, tài nguyên, dân số... nền văn minh là những yếu tố ưu tiên chi phối sự vận hành của quy luật phát triển không phụ thuộc vào các nền văn minh. Hơn nữa, với các yếu tố đó, sự thuận lợi về địa lý là nhân tố và không thể san bằng. Như vậy, có thể cho rằng yếu tố địa lý và điều kiện thuận lợi về địa lý chỉ là điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ phức tạp giữa hai nền văn minh láng giềng.

Điều này làm cho mối quan hệ phức tạp này trở thành hiện thực trong yếu tố địa lý quan trọng. Các yếu tố địa lý quan trọng này phần lớn thuộc về chính sách, với các khía cạnh sau:

(1) *Nhân tố địa lý và tâm lý nền văn minh*: Như đã nêu trên, nhân tố địa lý và xã hội tồn tại trong so sánh về sức mạnh (nhân tố là sức mạnh kinh tế, và mặt phần là sức mạnh quân sự) làm nảy sinh tính chất nền văn minh, ý thức hệ hoặc thể chế giữa nền văn minh và nền văn minh là coi thường nền văn minh. Qua một số nghiên cứu tình

---

<sup>85</sup> Buzan, Barry (1995), "The Post-Cold War Asia Pacific Security Order: Conflict or Cooperation?" trong Andrew Mack và John Ravenhill (chủ biên), *Pacific Cooperation: Building Economic and Security regimes in the Asia Pacific region* (Boulder: Westview), trang 130-151; Buzan, Barry (1991), *People, States, and Fear: An Agenda for International Security Studies in the Post-Cold War Era* (New York: Harvester Wheatsheaf).

hu ng, i m n i b t là tinh th n n c l n c a Nga, M , Trung Qu c, Nh t B n i v i các n c láng gi ng c a mình. Tinh th n “ i qu c” là có th t và th ng tr c.

(2) *Thái ng x n c l n*: Tinh th n n c l n th hi n rõ nh t qua thái i x v i n c nh h n. Hi m khi th y các n c l n có chính sách th c s tôn tr ng n c nh và nh y c m v nh ng tác ng c a hành vi n c mình gây ra cho n c nh . S không tôn tr ng th hi n qua suy ngh và hành ng, v i tác ng t ng th là làm kh c sâu nh n th c v a v n c l n - n c nh , th ng theo chi u h ng tiêu c c. Quan tr ng h n, tinh th n n c l n th hi n rõ nh t trong cách th c n c l n x lý các v n t n t i c ng nh v n phát sinh. Các n c l n th ng coi nh quy n l i c a các n c nh , th m chí em ra i chác trong ván bài n c l n: n u h p tác, n c l n h n th ng giành l i l n h n; n u xung t, n c l n h n th ng b t n t n c nh h n; và lu t l không ràng bu c n c l n h n, vì n c l n th ng cho mình quy n “phá l ”.<sup>86</sup>

(3) *Tinh tr ng m t lòng tin trong quan h* : Do tác ng c a tâm lý n c l n và hành ng c a n c l n, các n c nh láng gi ng c ng phát tri n tâm lý n c nh và hành vi n c nh . T ng tác gi a hai đ ng nh n th c và hành vi này càng làm r ng thêm kho ng cách n c l n - n c nh th m chí khi n các n c nh m t lòng tin vào n c l n. Nhi u nghiên c u cho th y vì các lý do l ch s và hi n t i, không n c nh nào tin vào lòng t t mà n c l n dành cho mình, vi n tr bao gi c ng có i u ki n v s th n ph c, m t hành vi không n m t c a n c nh bao gi c ng ph i tr giá... Ngoài ra, s không nh t quán gi a l i nói và vi c làm c a các n c l n th ng xuyên x y ra. t b o v mình, các n c nh áp d ng chính sách l i kéo bên th ba t ng th m c c c ng nh t ng c ng th o lu n n i b l a ch n chính sách t i u v i n c l n. i u này làm cho n c l n c ng m t lòng tin vào n c nh . Vòng xoáy m t lòng tin vì th càng leo thang.

Vi c t ng k t các y u t k trên cho th y trách nhi m làm gi m tình hình c ng th ng ph n l n thu c v n c c coi là l n h n. N c nh có nhi u lý do nghi ng ng c và hành vi c a n c l n và do ó n c l n ph i ch u gánh n ng l n h n trong vi c xua tan s nghi k c a n c nh .<sup>87</sup>

### **X lý m i quan h b t cân x ng: Chính sách c a n c nh (h n)**

Các phân tích trên cho th y r ng ngoài vi c coi s k c n a lý và s chênh l ch ti m l c v i n c l n là th c t khách quan, các n c nh c ng ph i coi l i suy ngh và hành vi ng x c a các n c l n c ng là m t th c t ph i ng u. Nói cách khác, quy n ch ng n m trong tay n c l n. m c t i u, n c nh ch có th giành quy n ch ng trong th b ng. Nh ng ch ng ó c ng có th tr thành n i dung c a nh ng “chính sách thông minh” giúp các n c nh i phó v i n c l n.

<sup>86</sup> Ví d Nga t cho mình quy n can thi p, a quân i sang các n c thu c khu v c Liên Xô c b o v công dân Nga ó. Ngày 12/8/2009, t i cu c g p v i lãnh t các ng phái trong Duma Qu c gia, T ng th ng Dmitry Medvedev nói rõ r ng s d T ng th ng ph i trình đ lu t a quân i ra n c ngoài là vì chính cu c chi n tranh 5 ngày v i Gru-di-a cách ây m t n m ã khi n ông ph i ngh n i u ó khi c n thi t. Trên th c ch t, vi c trình đ lu t này liên quan t i s a Lu t Qu c phòng hi n hành Nga. Xem <http://www.baovietnam.vn/the-gioi/229449/23/TT>

<sup>87</sup> ây là b n ch t c a lô-gíc “gánh n ng v nhân” khá ph bi n trong quan h cá nhân c ng nh trong quan h qu c t. M t ng i c coi là “v nhân” th ng c coi là ng i có nh ng tiêu chu n o c cao và do ó có nh ng đ ng hành vi c cho là “chu n m c”. i u này có giá tr nêu g ng cho ng i khác, nh ng m t khác c ng t o ra s c ép làm cho ng i ó luôn ph i gìn gi và m c th c. i v i m t n c l n c ng v y, các tiêu chu n hành vi n c ó t ra cho các n c khác noi theo c ng tr thành h n ch không cho n c ó có chính sách thu c đ ng “tiêu chu n kép”. Do ó, nhi u khi n c l n ph i ch u thi t gi lòng tin c a n c nh , nh t là xóa tan i u m c nh n là n c l n luôn coi th ng quy n l i c a n c nh . Xem ng ình Quý và Nguy n V Tùng, “V n lòng tin và xây đ ng lòng tin trong QHQT”, T p chí *Nghiên c u Qu c t*, s 1/2009.

Chính sách i phó v i n c l n trong th i i ngày nay c xây d ng trên m t ti n quan tr ng. ó là các n c nh không còn n i ám nh b các n c l n xâm l c, thôn tính, sát nh p. Lô-gic c a ch ngh a Hi n th c nh n m nh n t n vong qu c gia không thích h p v i các phát tri n c a chính tr qu c t liên quan n các n c thu c th gi i th Ba: các nguyên t c c b n c hình thành trong quan h qu c t t sau Chi n tranh th gi i th hai c ng nh t th p k phi th c dân hoá (th p k 60) ã không công nh n xâm l c và sát nh p lãnh th trong quan h gi a các qu c gia. i u ó có ngh a là m c tiêu sinh t n c a m t n c không còn tr thành u tiên cao nh t. Nh Migdal ã nh n xét, th c t trong quan h qu c t cho th y s l ng qu c gia ra i nhi u h n s l ng qu c gia b m t tên trên b n qu c t.<sup>88</sup> Nh v y, thách th c t các n c l n ch y u liên quan t i v i c các n c l n o ép các n c nh , bao g m v i ch n ch không gian t ch hành ng c a các n c nh và giành ph n h n trong v i c theo u i l i ích qu c gia (k c trong b i c nh song ph ng và a ph ng.) T t nhiên, nh ã nêu trên, m c o ép t l thu n v i s b t cân x ng v t i m l c và s c m nh, v i m t lý do n gi n là n c l n h n có nhi u ngu n l c và công c gây nh h ng t i n c ít ngu n l c và công c h n.

Nhi u nghiên c u tình hu ng ã cho th y m t s d ng chính sách các n c nh s d ng i phó v i n c l n và b c u phân tích các i u ki n d ng chính sách ó có hi u qu , nh t là n u c t t góc s c m nh thông minh.

Xu t phát i m u tiên là *chính sách c a m t n c l n có th khác nhau v i các n c láng gi ng khác nhau*. i u này cho th y chính sách c a n c l n l thu c nhi u vào chính sách c a n c nh (v i các y u t giá tr a chi n l c/ a kinh t c thù c a n c nh ó). T t nhiên, chính sách c a n c nh c ng l thu c vào l ch s c a chính sách n c l n i x v i n c nh ó. Và quá trình t ng tác chính sách này sinh ra nh ng s khác bi t: m t n c l n i x v i các n c láng gi ng theo các cách khác nhau. Tuy nhiên, n u coi tinh th n tr ch th ng c a n c l n và s chênh l ch v s c m nh c a nó v i n c láng gi ng và s k c n a lý là th c t khách quan thì s ch ng chính sách c a n c nh nh m h n ch i m tiêu c c, phát huy i m tích c c trong chính sách c a n c l n m i là i u áng bàn. ây chính là b n ch t c a m t chính sách i ngo i thông minh, d a trên ý t ng ch o cho r ng “ngo i giao là ngh thu t c a nh ng i u có th”. Nói cách khác, các n c nh thông minh không bao gi ch p nh n và l i cho “th c t khách quan” mà luôn luôn tìm ra nh ng gi i pháp có l i nh t trong hoàn c nh th c t. Qu th c, trong quan h qu c t v n có nh ng tình hu ng n c nh “d t m i” c n c l n.

M t s nét chính liên quan t i chính sách c a các n c nh là:

1. m c chung nh t, “phù th nh” d ng nh là m t chính sách c nhi u n c theo u i h n khi k t qu quan sát c là m t m i quan h t ng i n nh và có l i h n cho n c nh . Trong không gian h u Xô-vi t, các n c nh Bê-la-rút, Ka-d c-xtan áp d ng chính sách này và k t qu là ã nh n c tr giúp nhi u m t c a Nga, nh t là v kinh t , an ninh và s tôn tr ng m t m c nào ó. Nh ng m t s v n c t lỗi trong quan h n c l n - n c nh v n còn nguyên. ó là tinh th n n c l n c a Nga, và theo ó là tính ch t b t bình ng trong quan h song ph ng, dù ã gi m i so

<sup>88</sup> Joel Migdal, *Strong Societies and Weak States: State-Society Relations and State Capability in the Third World*, (Princeton, N. J.: Princeton University Press, 1988). Xem thêm tài *An ninh phi truy n th ng ông Nam Á* (H c v i n Ngo i giao, 2007).

vị thế Liên Xô còn tồn tại. Nhưng, điểm chung đáng lưu ý là trong quan hệ song phương giữa các nước này với Nga đã không xảy ra những vụ quá gay gắt như cuộc biểu tình ở Nga và cuộc biểu tình ở Nga. Nga vẫn lịch thiệp hơn hẳn là thách thức cho các nước này.

Có một số lý do gì thích vì sao các nước này lại áp dụng chính sách phù hợp (thân Nga hơn các nước khác). Tuy nhiên, có thể thấy rằng thái độ hòa của Nga với các nước này trong hiện tại và quá khứ thể hiện sự khác biệt: Chính trị trung lập trung các nước Bê-la-rút và Ka-dac-xtan - tức là vị trí trong nội bộ các nước này và chính sách thân hữu với Nga và chấp nhận một mức nào đó ảnh hưởng của Nga trong nội bộ của mình; Vị trí địa chính trị của các nước này quan trọng với Nga hơn là các nước lớn khác - tức là vị trí địa chính trị của các nước này quan trọng với Nga và các nước này khác nhau, dù vẫn còn các yếu tố thể hiện quan hệ lớn - nhỏ. Như vậy, có thể cho rằng các nước chấp nhận sự ảnh hưởng của Nga đã có chính sách trung lập phù hợp và hiểu đúng trong việc gì mà sử dụng lợi ích trong mối quan hệ bất cân xứng với nước láng giềng lớn là Nga. Thứ nhất, trong trường hợp của Bê-la-rút, Nga còn áp dụng chính sách bao cấp/ưu ái vì mặt trận địa chính trị của Liên Xô cũ. Nhưng xét cho cùng, thái độ hòa của Nga với các nước này dường như là sự “nhấn” cho những nước quan tâm lợi ích của Nga. Thứ hai, trong bối cảnh an ninh, phát triển và thịnh vượng trong chính sách ngoại giao của các nước, <sup>89</sup> lợi ích kinh tế dường như là một trong những lợi ích của các nước lớn. Nga không lo bản thân công và các nước láng giềng cũng thu được nhiều vào nền kinh tế Nga. Nhưng nếu “tái phân bổ” của Nga bị đe dọa (nhất là khi các nước láng giềng thu được không gian hậu Xô viết trên các lĩnh vực, bất tay với các nước lớn khác, và có các hành động phản lợi ích của họ qua đó ảnh hưởng vai trò của Nga) thì Nga sẽ có hành động ngược lại. Đây là một biểu hiện của tính toán của các nước, có lẽ ngày càng không thích hợp với tình hình và xu thế quan hệ quốc tế hiện nay. Nhưng chính vì Nga, làm cho tái phân bổ của Nga bất ổn định cũng không phải là một chính sách thông minh và thực tế cho thấy các nước Bê-la-rút và Ka-dac-xtan đã không đi theo hướng này. Thứ ba, áp dụng đồng hóa, nhưng coi Nga “nhỏ” hơn so với các nước khác đã góp phần quan trọng trong việc gì đó của quan hệ với Nga. Thêm vào đó, trên cơ sở chính trị minh bạch ưu tiên trong quan hệ với Nga, ngoài khi những lợi ích kinh tế quan trọng hơn, vì cần tranh chấp các biểu hiện của các nước tranh thủ thêm lợi ích từ quan hệ với Nga sẽ trở nên đáng kể. Tóm lại, chính sách theo hướng phù hợp nhất là trung lập có hiểu đúng trong hai trường hợp của Bê-la-rút và Ka-dac-xtan.

2. Về thể chế, chính sách trung lập của Nga mang nhiều nét tương đồng với sự lựa chọn “phù hợp nhất”. Trường hợp của Phần Lan cũng là một hình thức. Về nguyên tắc, Phần Lan chấp nhận trung lập nhưng trên thực tế, nước này áp dụng chính sách thiên về Nga một cách khá tinh tế mà bản chất của chính sách đó là xây dựng lòng tin của lãnh đạo Nga và mặt trận của Phần Lan - tuy có chính trị và kinh tế khác với Nga - nhưng trên thực tế và ưu tiên quan hệ với Nga cũng như có các kênh truyền tin hữu ích và hành động chung cách tiếp cận đó.<sup>90</sup> Mặt khác, Phần Lan tích cực tham gia vào quan hệ với các nước phương Tây bắt đầu thu được vào Nga. Mặt khác, chính Nga cũng không phải là Phần Lan tham gia vào quan hệ với phương Tây khi hiểu rằng Nga vẫn là ưu tiên trong quan hệ với

<sup>89</sup> Xem Võ Khoan, “An ninh, phát triển và thịnh vượng trong hợp tác ngoại giao” trong *Chính sách ngoại giao Việt Nam*, Học viện Quan hệ Quốc tế, (Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới, 2007).

<sup>90</sup> Khi các nước Cộng hòa thu được Liên Xô cũ có làn sóng phát triển Lênin, Phần Lan đã tìm cách đem lại lợi ích của Lênin và trung lập bày tỏ sự ủng hộ của Phần Lan. Hành động này làm cho lãnh đạo và nhân dân Nga - nhất là trong giai đoạn Tổng thống Nga V. Putin muốn khôi phục lại vị thế địa chính trị của Liên Xô cũ và theo đó Nga càng ôn hòa hơn với Phần Lan.

ngoại của Philippines. Về thực của Philippines trong chính sách của Liên Xô từ sau năm 1945 và nhất là sau chiến tranh Lạnh có thể nói là tiêu.

3. Chính sách đối ngoại là sự lựa chọn ít hiệu quả nhất. Có nhiều lý do các nước chính trị là sự. Tuy nhiên, sự lựa chọn đối ngoại có mối liên hệ với mâu thuẫn nội bộ của nước láng giềng. Tranh chấp của Gru-di-a và U-crai-na cho thấy khá rõ điều này. Các thế lực tranh giành quyền lực chính trị bên trong từng nước đã dẫn Nga như là một mồi dè kích thích tình thần dân tộc, dùng tình thần dân tộc làm nền tảng để phát triển trong cuộc đấu tranh. Lô-gic phân biệt của hiện tượng này là dùng nguy cơ bên ngoài để nhúng tay bên trong.<sup>91</sup> Cũng khi liên minh thân Nga có những nguy cơ, quan hệ của Nga với U-crai-na và Gru-di-a trở nên căng thẳng và hợp tác hơn, theo đó các tranh chấp, mâu thuẫn song phương có thể có hướng giải quyết, các vấn đề gay gắt có thể tháo gỡ. Nhưng cũng khi tranh chấp hai nước này tăng lên, quan hệ với Nga lại trở nên khó khăn, căng thẳng, thậm chí xung đột.

Sự lựa chọn của nước còn có thể hình thành khi cần - vì những lý do nhất định - có chính sách cân bằng, uy hiếp và dè dặt nhằm khuếch trương ảnh hưởng. Tranh chấp của Cuba cho thấy Mỹ có thái độ thù địch với Cuba kể từ khi cuộc cách mạng Cuba thắng lợi năm 1959 hoàn toàn do sự cay cú của tầng lớp lãnh đạo cao cấp của Mỹ từ hai thế hệ hình thành của một nhà nước Mác-xít ngay từ sâu sau của Mỹ. Sự cay cú này bắt đầu từ những ý thức sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc, những sự không thoải mái là vì sự tồn tại của Mỹ ở Cuba vẫn còn. Ngoài ra, chính sách của Mỹ còn bắt đầu hình thành trong sự nhúng tay của Cuba vào vùng chính quyền La Havana - một nền chính quyền Mỹ có bề cội theo hướng hòa giải với Cuba. Quan hệ Mỹ - Cuba vì thế vẫn chưa có bất cứ tiến bộ nào. Các bước đi tiến quan hệ có thể diễn ra khi Mỹ có chính sách ôn hòa hơn, bắt đầu từ những can thiệp, lật đổ trong cách tiếp cận mềm mỏng thay vì cứng rắn theo đuổi chính quyền Obama đối ngoại đang áp dụng.

Trong tranh chấp này sự lựa chọn của và các nước liên quan với các nước khác cân bằng mồi dè dặt phía bên cần theo mô hình “cân bằng” là một điều hiển nhiên. Yếu tố khác biệt về ý thức và sự tập trung quyền lực trong nước (có thể là không có sự thách thức đáng kể với liên minh chính trị cầm quyền và theo đó là những tranh cãi về lựa chọn chính sách) càng làm cho sự lựa chọn thêm sâu sắc, kể sau khi chiến tranh Lạnh chấm dứt.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào kết quả, các nước chính trị vẫn phải lâm vào cuộc xung đột trực tiếp với bên cần cân bằng. Một thí dụ điển hình này thể hiện trên nhũn m t. Trước hết, bên cần cân bằng thì vẫn khó có thể tha hiếp, vì lo sợ rằng bất cứ sự tha hiếp nào cũng là dấu hiệu của sự nhúng tay của nước này vào sự vận hành của nước kia. Vì thế, cách tiếp cận giải quyết tranh chấp thường theo hướng xung đột, quan hệ thường theo hướng căng thẳng trên nhũn m t và bên cần không thì thường cách gây sức ép.

Vấn đề chính trị, bên cần luôn tìm cách phá vỡ thân mình nước láng giềng và nhu cầu phá vỡ mình nhằm quyền, bên cần tìm cách giữ vững vị thế. Ngoài ra, bên cần còn kích thích những chia rẽ trong nội bộ nước láng giềng, xoay sâu vào các mâu thuẫn xã hội, tôn giáo trong lòng nước

<sup>91</sup> Xem Edward D. Mansfield và Jack Snyder, *From Voting to Violence: Democratization and Nationalist Conflict; Myths of Empire: Domestic Politics and International Ambition*; (New York: Columbia University, 1998).

nh làm suy yếu nền kinh tế. Do đó, chính sách nền kinh tế phải có du lịch và can thiệp công nghệ - đầu tư làm cho tình hình kinh tế có cơ hội phát triển mạnh mẽ nền kinh tế công nghệ và trí tuệ, công nghệ, công nghệ nhân lực.

Vấn đề kinh tế, nền kinh tế tìm cách bao vây, cấm vận và tước đoạt lợi ích của nền kinh tế thị trường gây sức ép kinh tế, qua đó tạo sức ép chính trị. Nói cách khác, nếu có thể tách biệt vòng luẩn quẩn có tính nhân quả của mối quan hệ thù địch kinh tế - nền kinh tế thì có thể cho rằng chính sách không khôn khéo của nền kinh tế gây phát triển thêm tình hình như thế là khi nền kinh tế không thi hành cách gây khó khăn cho nền kinh tế láng giềng.

Trên thực tế, do nền kinh tế ít có cơ hội sai chính sách hơn so với nền kinh tế, nên cơ chế răn đe và trừng phạt là cao hơn, vì thế nhu cầu “chính sách thông minh” rõ ràng cao hơn.

### **Thay đổi kết luận**

Tóm lại, việc áp dụng chính sách “phù hợp” (các mức khác nhau) là một sự lựa chọn chính sách phù hợp hơn so với chính sách cứng nhắc (tức cân bằng lợi ích) với nền kinh tế láng giềng. Tuy nhiên, phù hợp không có nghĩa là nền kinh tế bỏ qua các nguyên tắc chủ yếu trong quan hệ với nền kinh tế. Các nền kinh tế vẫn phải giữ vững các nguyên tắc, quy định và toàn vẹn lãnh thổ trong quan hệ với nền kinh tế. Đây là yếu tố “bất biến” trong quan hệ với nền kinh tế. Chẳng hạn nền kinh tế không chấp nhận nguyên tắc này, nền kinh tế phải kiên quyết tranh đấu. Đây không chỉ là vấn đề chính trị mà còn là vấn đề có tính chất thu hút trong quan hệ với nền kinh tế: càng giữ vững các nguyên tắc, giá trị của nền kinh tế càng cao trong quan hệ với nền kinh tế. Tuy nhiên, tất cả các tiêu chí chính trị này, các nền kinh tế phải có những bước triển khai chính sách theo những nguyên tắc chung, thì hiện ứng so sánh lợi ích kinh tế chênh lệch với nền kinh tế.

Một nền ngoại giao hòa hiếu với nền kinh tế là điều cần có đầu tiên. Như đã phân tích trên, nếu chính sách “phù hợp” (các mức khác nhau như người có cảm giác là hòa bình chung sống, tôn trọng và thực hiện lợi ích và ý nghĩa quan hệ hợp tác với nền kinh tế láng giềng) là sự lựa chọn chính sách thì một nền ngoại giao hòa hiếu với nền kinh tế đó sẽ đóng một vai trò quan trọng. Một cách đơn giản, hòa hiếu thực chất phải có nghĩa là sự nhún nhường, kiềm chế và chấp nhận một sự thỏa hiệp mà không vì phạm những tiêu chuẩn của chính sách ngoại giao. Một phạm vi “nhún nhường” có thể được giảm thiểu thông qua các biện pháp sau: (i) Vấn đề phát triển, tăng cường xây dựng lòng tin và thỏa thuận quy tắc chung, ngừng thi hành các mối đe dọa an ninh lợi ích, như là kinh tế (ii) Mở rộng quan hệ với các nền kinh tế khác thông qua việc thêm thắt và lợi ích cho nền kinh tế trong quan hệ với nền kinh tế, và (iii) Tham gia các cơ chế pháp lý để thêm ràng buộc hành vi và trách nhiệm của nền kinh tế với nền kinh tế.

Bản chất của chính sách này là xây dựng sự liên lạc lẫn nhau, an ninh lợi ích một cách rất linh hoạt. Cảm giác của quan hệ quốc tế hiện nay cho thấy có nhiều khả năng chính sách này sẽ triển khai. Các cảm giác bao gồm: sự phát triển như vũ bão của các cách mạng khoa học công nghệ; toàn cầu hóa và sự liên lạc lẫn nhau; sự nổi lên của các vấn đề toàn cầu; quá trình dân chủ hóa quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển và chi phối mạnh mẽ các diễn biến quốc tế... Ngoài ra, các nền kinh tế tuy cạnh tranh gay gắt với nhau nhưng cũng đang tìm kiếm sự thỏa hiệp, ý nghĩa hợp tác làm cho nhu cầu tìm kiếm những minh chứng các nền kinh tế không còn trở nên bế tắc trong thế kỷ XXI. Hơn nữa, khi

toàn cầu hóa phát triển, các nước có thể tận dụng lợi thế so sánh của mình phát triển: nước nhàn hạ, các nước nghèo nàn và lạc hậu, cũng có thể có cơ hội hòa nhập vào nền kinh tế thế giới, tham gia phân công lao động quốc tế.<sup>92</sup> Kết quả tất yếu của tình trạng này là vai trò và vị trí của các nước nhàn hạ tăng lên trong chính sách của các nước lớn, ảnh hưởng của chúng ngày càng tăng, và các nước nhàn hạ có nhiều cơ hội và lợi ích hơn. Vì vậy, các nước lớn phải chính trị và phát triển kinh tế. Trong hoàn cảnh đó thu nhập là yếu tố, các nước có thể bắt đầu lợi dụng “nhàn hạ”. Nội dung cốt lõi của chính sách Châu Âu là “biến các nước thành thị trường” thì trong tình huống này, các nước - vì sự hỗ trợ của các thành viên / thành viên quốc tế và sự ủng hộ của các nước khác - cũng có thể “biến thị trường thành thị trường” dùng sự cảm nhận bên ngoài để tranh giành vị trí lớn láng giềng (giống nhau trong phạm vi không làm mất mặt nước lớn).

Tất nhiên, điều này càng chứng minh rằng những gì mà điều kiện khách quan đòi hỏi phải phát huy bản năng tự duy và chính sách có tính chủ quan. Nhiệm vụ nghiên cứu đã chứng minh rằng một số nước đã có chính sách hiệu quả hơn, tận dụng hoàn cảnh bên ngoài thu nhập là yếu tố để giành vị trí lớn láng giềng. Nói cách khác, một “thông minh” trong chính sách khác nhau sẽ đạt được kết quả chính sách khác nhau, do tuy có chung các điều kiện khách quan, các nước khác nhau không có một khuôn mẫu hoặc công thức chính sách chung để giành vị trí lớn láng giềng trong các hoàn cảnh khác nhau.

---

<sup>92</sup> Xem Nguyễn Chí Thanh, “Những chuyển biến trên thế giới và tác động của chúng ta,” trong *Chính sách đối ngoại Việt Nam*, Học viện quan hệ quốc tế, (Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới, 2007).